

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-02-2024

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 478/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết S1, sinh năm 1972 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Voi L, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết S1 trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Huỳnh Thị Tuyết S1 và ông Nguyễn Tấn L1 tiến đến hôn nhân; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/02/1990. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay nhưng không ai có

thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S1 yêu cầu được ly hôn với ông L1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà S1 và ông L1 có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Minh K, sinh ngày 28/3/1997 và Nguyễn Kiều H, sinh ngày 29/10/1999. Hiện tại, cháu K và cháu H đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà S1 xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà S1 xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ghi ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Tấn L1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà S1. Tuy nhiên, bị đơn ông L1 cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với ông L1. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Tấn L1 có địa chỉ thường trú tại ấp Voi L, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Tấn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết S1, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà S1, ông L1.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà S1 thấy rằng: Bà S1 và ông L1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/02/1990 nên hôn nhân giữa bà S1 và ông L1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do bà S1 và ông L1 không cùng quan tâm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí

hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông L1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra giải pháp đối với yêu cầu khởi kiện của bà S1, để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông L1 cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện ông L1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà S1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L1 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S1.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà S1 và ông L1 có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Minh K, sinh ngày 28/3/1997 và Nguyễn Kiều H, sinh ngày 29/10/1999. Hiện tại, cháu K và cháu H đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Bà S1 không yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa án không xét đến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S1 xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến. Bà S1 xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà S1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết S1 tranh chấp về ly hôn đối với ông Nguyễn Tấn L1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tuyết S1 được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L1.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Tuyết S1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà S1 đã nộp theo biên lai thu số 00.10395 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, bà S1 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Long H;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông